

Số: 53/2019/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 26 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 145/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Phạm Hồng T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Z, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Chị Bùi Thị S, sinh năm 1989. Địa chỉ: Z, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Anh Phạm Hồng T và chị Bùi Thị S kết hôn từ năm 2012 do hai bên tự nguyện tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/5/2012. Anh chị được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng quá khác biệt về quan niệm sống, cách sống, tính cách hoàn toàn trái ngược nhau. Không đồng nhất quan điểm về kinh tế gia đình. Làm tổn thương tình cảm của nhau. Mặc dù hai bên đã rất nhiều lần nói chuyện nhằm tìm ra cách giải quyết tuy nhiên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài làm mất dần tình cảm đối với nhau. Anh chị sống ly thân với nhau lần đầu vào năm 2018, ly thân được 6 tháng thì được gia

đình cũng như bạn bè, anh em trong gia đình động viên vợ chồng quay về đoàn tụ. Anh chị đã cho nhau cơ hội tuy nhiên khi quay về chung sống với nhau mâu thuẫn vẫn tiếp diễn. Cuộc sống chung căng thẳng và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng tình cảm vợ chồng không thể cứu vãn. Tại phiên hòa giải, anh T và chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T và chị S.

[2] Về con chung: Anh T, chị S có 01 con chung là cháu Phạm Mai Trang, sinh ngày 02/12/2012. Anh T, chị S thống nhất: Giao cháu Q cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S do chị S không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh T, chị S xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí tòa án: Chị S nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hồng T và chị Bùi Thị S nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T, chị S có 01 con chung là cháu Phạm Mai Trang, sinh ngày 02/12/2012. Giao cháu Q cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S do chị S không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh T, chị S xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị S nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0003258 ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Nơi nhận:*

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, Sơn La;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thị Thanh Nga**